



Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2019, anh Nguyễn Quang T2 gửi đơn và các tài liệu liên quan đến Cơ quan điều tra, Công an quận N, thành phố H tố cáo bị cáo Nguyễn Văn H1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của gia đình anh số tiền 700 triệu đồng thông qua việc nhận tiền để xin việc làm cho anh nhưng sau đó không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt số tiền đã nhận.

Khoảng tháng 10 năm 2015, anh Nguyễn Quang T2 biết bị cáo Nguyễn Văn H1 thông qua bà Đậu Thị H3 (là dì họ của anh T2). Bị cáo H1 biết anh T2 mới tốt nghiệp đại học, có nhu cầu xin việc làm nên khoảng tháng 3/2016, bị cáo H1 đã giới thiệu với anh T2, bà H3, ông Nguyễn Quang C2 (bố anh T2) là bị cáo H1 đang công tác tại Thanh tra Chính phủ, đang làm quy trình lên tướng và có 2 con trai đang công tác tại Cục C45, C46 - Bộ Công an, có nhiều mối quan hệ có thể xin được cho anh T2 vào làm việc tại Bộ Tư Lệnh Cảnh Vệ - Bộ Công an với chi phí khoảng từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng, nếu không xin được bị cáo H1 sẽ trả lại tiền. Gia đình anh T2 tin tưởng nên đã nhờ bị cáo H1 xin việc cho anh T2. Ngày 05/3/2016, ông C2, bà H3 và anh T2 đến nhà bị cáo H1 tại Phòng 307 CT3A, khu đô thị M1, phường M, quận N, thành phố H, ông C2 đưa cho bị cáo H1 300.000.000 đồng (không viết giấy biên nhận), mục đích để cọc chỉ tiêu vào ngành công an theo yêu cầu của bị cáo H1. Bị cáo H1 hẹn khoảng tháng 6/2016 sẽ có chỉ tiêu và tuyển dụng vào làm việc tại phòng tài chính kế toán tại Bộ Tư lệnh - Cảnh sát cơ động (Anh T2 có ghi âm nội dung cuộc nói chuyện thể hiện việc giao nhận số tiền trên). Sau đó, bị cáo H1 tiếp tục thông báo với bà H3 đã có chỉ tiêu nên cần thêm 300.000.000 đồng nữa để xin xét duyệt. Ngày 14/11/2016, ông C2, bà H3 và anh T2 đến nhà bị cáo H1, ông C2 đưa tiếp cho bị cáo H1 số tiền 300.000.000 đồng. Khoảng 1 tuần sau, thông qua bà H3, bị cáo H1 yêu cầu gia đình ông C2 đưa thêm 100.000.000 đồng để xin được cho Toàn vào vị trí tốt. Ngày 24/11/2016, gia đình ông C2 đã nhờ bà H3 chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản số 32526869 của bị cáo Nguyễn Văn H1 mở tại Ngân hàng ACB (Mấy ngày sau anh T2 đã trả cho bà H3 số tiền 100 triệu đồng). Tổng số tiền bị cáo H1 nhận của gia đình ông C2 là 700.000.000 đồng, bị cáo H1 hứa sau khoảng 2 hoặc 3 tháng anh T2 sẽ được đi làm.

Sau khi nhận tiền, bị cáo H1 không làm gì để xin việc cho anh T2 mà đã sử dụng chỉ tiêu hết số tiền đã nhận. Hết thời hạn cam kết, anh T2 không được đi làm nên ông C2, anh T2 đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bị cáo H1 trả lại tiền nhưng bị cáo H1 đưa ra nhiều lý do trì hoãn không trả tiền và lảng tránh không gặp nên anh T2 đã làm đơn tố giác bị cáo H1 gửi Công an quận N. Sau khi biết anh T2 viết đơn tố giác bị cáo H1 gửi cơ quan Công an thì ngày 01/10/2019, bị cáo H1 đến nhà anh T2 và đã viết giấy với nội dung ông C2 đặt cọc cho H1 700.000.000 đồng để mua mảnh đất của bị cáo H1 tại 55 ngõ 169 đường Q1, phường Đ, quận N, thành phố H

nhưng gia đình ông C2 không đồng ý ký vào tờ giấy H1 viết, bị cáo H1 đã lấy lại tờ giấy này, hiện không thu giữ được.

Sau khi bị cáo H1 bị bắt tạm giam, ngày 06/5/2020, ông Nguyễn Văn T3 là cậu của Nguyễn Văn H1 đã giao nộp 185.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H1. Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền trên cho anh T2, số tiền bị cáo H1 còn chiếm đoạt 515.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 7712 ngày 12 tháng 3 năm 2020, của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

“- Tiếng nói của người nam tự xưng “Tao”, “Em” và được gọi là “Chú”, “Anh” trong các file mẫu cần giám định (Ký hiệu “H1” trong *Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định*) và tiếng nói của bị cáo Nguyễn Văn H1 trong mẫu so sánh là của cùng một người;

- Tiếng nói của người nam tự xưng “Cháu” và được gọi là “mày”, “Cháu” trong các file mẫu cần giám định (Ký hiệu “T2” trong *Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định*) và tiếng nói của Nguyễn Quang T2 trong mẫu so sánh là của cùng một người;

- Tiếng nói của người nam tự xưng “Tôi” và được gọi là “Anh” trong mẫu cần giám định - file: *giao tiền lần 1.aa* (Ký hiệu “C2” trong *Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định*) và tiếng nói của ông Nguyễn Quang C2 trong mẫu so sánh là của cùng một người;

- Tiếng nói của người nữ tự xưng “Em” và được gọi là “Em” và “đi” trong mẫu cần giám định - file: *giao tiền lần 1.aa* (Ký hiệu “H3” trong *Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định*) và tiếng nói của Đậu Thị H3 trong mẫu so sánh là của cùng một người”. *Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file mẫu cần giám định.*

Các nội dung thể hiện việc bị cáo H1 trao đổi cùng ông C2 và anh T2:

- Ông C2 nói: “*Nay anh mang một ít gửi tạm trước, chú cầm tạm cho anh, ... đây có ba trăm trước ..*”; H1: *Vâng!*

- T2 “*Rồi cũng lâu rồi mà bố cháu bảo cháu nói lại với chú trước khi về, mà cái chỗ mà chạy vào Công an ấy thì bây giờ bố cháu muốn là, hỏi xem là có khả năng đòi lại được hay không*”. “*..Có phải ông cầm tiền của cháu á. Thế bảy trăm triệu đấy thì chú đưa cho những ai*”...

H1: “*Mày hỏi làm đéo gì cái việc đấy, việc đấy hỏi làm gì*”,... “*Tao biết, tóm lại coi như là vấn đề đấy tao chịu trách nhiệm với bố mày chứ nói chuyện gì việc của tao....*”

\* Xác minh tại Cục điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu - Bộ Công an: Qua kiểm tra thông tin và hồ sơ cán bộ, hiện Cục không có cán bộ nào có

bố tên là bị cáo Nguyễn Văn H1 (Có lý lịch như cơ quan điều tra yêu cầu).

\* Xác minh tại Cục Cảnh sát hình sự - Bộ công an: Qua rà soát thông tin cán bộ, năm 2016 Cục cảnh sát hình sự không có cán bộ công tác tại đơn vị có bố tên là bị cáo Nguyễn Văn H1 (Có lý lịch như cơ quan điều tra yêu cầu).

\* Xác minh tại Thanh tra Chính phủ: Sau khi ra soát hồ sơ, Thanh tra chính phủ không có cá nhân tên là bị cáo Nguyễn Văn H1 là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Thanh tra Chính phủ vào năm 2016.

\* Xác minh tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Bộ Công an: Năm 2016, Bộ Tư Lệnh Cảnh sát cơ động không có cán bộ tên Nguyễn Văn H1 và không có chỉ tiêu tuyển dụng người từ ngành ngoài vào công tác trong lực lượng Công an.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Quang T2, ông Nguyễn Quang C2 và bà Đậu Thị H3 khai như nội dung vụ án nêu trên.

\* Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T3 là cậu của Nguyễn Văn H1 đã giao nộp 185.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H1. Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền trên cho anh T2, số tiền bị cáo H1 còn phải trả cho bị hại là 515.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H1 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/04/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn H1 còn phải hoàn trả cho anh Nguyễn Quang T2 là 465.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/02/2021, bị cáo Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng bản án sơ thẩm xác định bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại là 700.000.000 đồng là không chính xác, thực tế bị cáo chỉ nhận của gia đình anh T2 300.000.000 đồng vào ngày 05/3/2016; còn số tiền 100.000.000 đồng bà H3 chuyển khoản vào tài khoản số 32526869 của bị cáo là tiền bà H3 cho bị cáo mượn và sau đó bị cáo đã trả đủ. Bị cáo không nhận của ông C2, bà H3 và anh T2 số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 14/11/2016. Sau khi bị tố cáo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại 235.000.000 đồng nên đề nghị

Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 thống nhất với nội dung trình bày kháng cáo tại phiên tòa của bị cáo, không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá thấy rằng Tòa án sơ thẩm đã căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết mới nào đáng kể nên không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về chăm lo cho bố mẹ già yếu và các con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H1 được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng Bản án sơ thẩm xác định bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại 700.000.000 đồng là không chính xác nhưng bị cáo không kháng cáo đề nghị xem xét theo thủ tục phúc thẩm về trách nhiệm dân sự. Bị cáo thừa nhận còn phải hoàn trả bị hại Nguyễn Quang T2 số tiền 465.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Trên cơ sở nội dung khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyễn Văn H1 biết anh Nguyễn Quang T2 có nhu cầu tìm việc làm sau khi tốt nghiệp đại học, khoảng tháng 3 năm 2016, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo H1 đưa ra thông tin không đúng sự thật để làm cho ông Nguyễn Quang C2 và anh Nguyễn Quang T2 tin tưởng là H1 đang công tác tại Thanh tra Chính phủ, quen biết nhiều cán bộ lãnh đạo có thể xin cho anh Nguyễn Quang T2 vào làm việc tại Bộ Tư lệnh Cảnh vệ với chi phí khoảng từ 500.000.000 đến 700.000.000 đồng. Gia đình anh Toàn đã nhờ Huyền thu xếp xin việc cho anh Toàn. Theo yêu cầu của bị cáo H1, từ ngày 05/3/2016 đến ngày 24/11/2016, gia đình anh T2 đã giao cho bị cáo Nguyễn Văn H1 tổng số tiền là 700.000.000 đồng, bị cáo H1 cam kết trong thời hạn từ 2 đến 3 tháng sẽ xin được việc làm cho anh T2. Sau khi nhận tiền, bị cáo H1 không thực hiện như hứa hẹn mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn H1 lừa đảo chiếm đoạt của bị hại là 700.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H1 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp

xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 thì thấy: Bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân với tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” nên thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực tác động với gia đình để khắc phục 235.000.000 đồng trả lại cho bị hại để vận dụng quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại điểm b, tiểu mục 3.3, Mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuyên phạt bị cáo mức án 10 năm tù - dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết mới nào đáng kể nên không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn Huyền phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H1; giữ nguyên phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H1 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/04/2020.

2. Bị cáo Nguyễn Văn H1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ 1 TANDTC;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Bị cáo (qua trại);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, TACC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mai**

## **CÁC THẨM PHÁN**

## **CHỦ TỌA**

**Nguyễn Văn Cường**

**Nguyễn Thị Thanh Xuân**

**Lê Thị Mai**





